

BÁO CÁO

Công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng năm 2021

Thực hiện Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa IX, kỳ họp thứ 19 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2021 và Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa IX, kỳ họp thứ 19 về phân bổ ngân sách địa phương năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

- Dự toán thu ngân sách nhà nước.....10.500 tỷ đồng.
 - + Thu nội địa 9.500 tỷ đồng.
 - + Thu xuất nhập khẩu 1.000 tỷ đồng.
- Dự toán thu ngân sách địa phương (NSDP)11.517,8 tỷ đồng.
 - + Thu cân đối NSDP 10.293,2 tỷ đồng.
 - + Thu NSTW bổ sung các mục tiêu, nhiệm vụ:..... 1.224,6 tỷ đồng.
- Dự toán chi ngân sách địa phương11.542,2 tỷ đồng.
 - + Chi cân đối NSDP:10.317,6 tỷ đồng.
 - + Chi các mục tiêu, nhiệm vụ: 1.224,6 tỷ đồng.
- Bộ chi ngân sách địa phương24,4 tỷ đồng.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng năm 2021 như sau:

I. Về thu NSNN

Tổng thu NSNN trên địa bàn 5.793,2 tỷ đồng, đạt 55,2% dự toán, tăng 21% cùng kỳ, gồm:

1. Phân theo nguồn thu

- Thu nội địa: 5.088,2 tỷ đồng, đạt 53,6% dự toán, tăng 17,3% cùng kỳ.
- Thu xuất nhập khẩu: 705 tỷ đồng, đạt 70,5% dự toán, tăng 56,4% cùng kỳ.

2. Phân theo khối tỉnh, huyện, thị xã, thành phố (Chỉ tính thu nội địa)

- Khối tỉnh: 3.859,3 tỷ đồng, đạt 54,8% dự toán, tăng 20,9% cùng kỳ.
- Khối huyện: 1.228,9 tỷ đồng, đạt 50% dự toán, tăng 7,3% cùng kỳ.

II. Về chi NSDP

Tổng chi NSDP: 5.192,3 tỷ đồng, đạt 45% dự toán, bằng so cùng kỳ, trong đó:

1. Phân theo nhiệm vụ chi

- Chi cân đối NSDP: 4.827,1 tỷ đồng, đạt 46,8% dự toán, tăng 8,9% cùng kỳ, trong đó: Chi đầu tư phát triển 2.253,2 tỷ đồng, đạt 65,5% dự toán, tăng 8% cùng kỳ; Chi thường xuyên 2.563,6 tỷ đồng, đạt 42,7% dự toán, tăng 10,1% cùng kỳ.

- Chi các CTMT, nhiệm vụ: 365,2 tỷ đồng, đạt 29,8% dự toán, giảm 51,8% cùng kỳ.

2. Phân theo khối tỉnh, huyện, thị xã, thành phố

- Khối tỉnh: 2.730,9 tỷ đồng, đạt 38,3% dự toán.
- Khối huyện: 2.461,3 tỷ đồng, đạt 55,7% dự toán.

III. Cân đối thu, chi NSDP

1. Tổng thu NSDP 8.043,1 tỷ đồng.

- Thu NSDP hưởng 100% và thu điều tiết..... 4.597,6 tỷ đồng;
- Thu bổ sung từ NSTW 1.319,5 tỷ đồng;
- Thu chuyển nguồn năm trước sang..... 2.126 tỷ đồng.

2. Tổng chi NSDP 5.353,2 tỷ đồng.

- Chi cân đối NSDP 4.827 tỷ đồng;
- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ 365,2 tỷ đồng;
- Chi tạm ứng ngân sách 161 tỷ đồng.

3. Tồn quỹ NSDP (1-2)..... 2.689,9 tỷ đồng.

- Ngân sách tỉnh..... 969,3 tỷ đồng;
- Ngân sách huyện, xã 1.720,6 tỷ đồng.

IV. Đánh giá

1. Kết quả đạt được

a) Về thu ngân sách: Công tác thu ngân sách được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời từ các cấp uỷ Đảng, chính quyền và sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành tỉnh với các huyện, thị xã, thành phố; quản lý, khai thác nguồn thu đảm bảo thu đúng, đủ theo quy định. Có 12/16 khoản thu đạt từ 50% trở lên so

với dự toán, cụ thể: Thu từ DNNN đạt 60,6% dự toán, tăng 48,1% cùng kỳ (trong đó: Thu từ DNNN trung ương đạt 58,7% dự toán, tăng 39,4% cùng kỳ; Thu từ DNNN địa phương đạt 70,1% dự toán, tăng 98,3% cùng kỳ); Thu từ DN có vốn ĐTNN đạt 78,3% dự toán, tăng 67% cùng kỳ; Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 54,2% dự toán, tăng 20,8% cùng kỳ; Thu lệ phí trước bạ đạt 51% dự toán, tăng 34,6% cùng kỳ; Thuế thu nhập cá nhân đạt 63% dự toán, tăng 10,8% cùng kỳ; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 53% dự toán, tăng 37,1% cùng kỳ; Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 57,5% dự toán, giảm 10,9% cùng kỳ; Thu khác ngân sách đạt 84,4% dự toán, tăng 28% cùng kỳ; Các khoản thu tại xã đạt 52,3% dự toán, tăng 25,1% cùng kỳ; Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế đạt 192% dự toán, tăng 860,5% cùng kỳ; Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 56,7% dự toán, giảm 11,8% cùng kỳ; Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 70,5% dự toán, tăng 56,4% cùng kỳ. Có 6/9 huyện, thị xã, thành phố có số thu đạt trên 50% dự toán, gồm: Thành phố Tây Ninh (60,8%), Dương Minh Châu (59,1%), Châu Thành (54,5%), Trảng Bàng (52%), Gò Dầu (51,8%), Tân Biên (52,4%).

b) Về chi ngân sách: Thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định; trong đó: Chi đầu tư phát triển đạt 65,5% dự toán, tăng 8% cùng kỳ, nguyên nhân đạt cao chủ yếu do phần lớn có số giải ngân XDCB từ nguồn năm 2020 chuyển sang năm 2021; Chi thường xuyên đã đảm bảo các nhu cầu chi theo chủ trương của tỉnh về thăm hỏi các đối tượng chính sách, chi đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, chi trả tiền lương và các nhiệm vụ đột xuất khác, cụ thể một số khoản chi đạt cao so với tiến độ dự toán như: Chi đảm bảo xã hội 59%; Chi an ninh quốc phòng 60,8%; Chi khác ngân sách 68,2%.

2. Những khó khăn

a) Về thu ngân sách: Trong 6 tháng đầu năm 2021, phần lớn các khoản thu đều đạt tiến độ dự toán, tuy nhiên vẫn còn 04 khoản thu đạt dưới 50% so dự toán, cụ thể là: Thuế bảo vệ môi trường đạt 49,3% dự toán, tăng 4,1% cùng kỳ; Phí và lệ phí đạt 42,6% dự toán, tăng 9,3% cùng kỳ; Thu tiền sử dụng đất đạt 30,8% dự toán, giảm 23,4% cùng kỳ; Thu tiền thuê đất 32,6% dự toán, tăng 141,9% cùng kỳ. Nguyên nhân đạt thấp do đầu giá quyền sử dụng đất các trụ sở dôi dư theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP, đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp chưa đạt theo Kế hoạch năm 2021.

b) Về chi ngân sách

- Mặc dù chi đầu tư phát triển từ nguồn cân đối đạt khá, vượt tiến độ dự toán. Tuy nhiên, nếu chỉ tính số giải ngân vốn XDCB theo dự toán đầu năm thì chi đầu tư XDCB (nguồn cân đối) 6 tháng cấp tỉnh đạt thấp so với tiến độ (40% dự toán). Nguyên nhân đạt thấp chủ yếu là do: Công tác đền bù giải phóng mặt bằng; mặc dù đã được quan tâm chỉ đạo triển khai tích cực, song một số dự án việc triển khai thực hiện khởi công mới còn chậm trong khâu lập kế hoạch lựa

chọn nhà thầu, tổ chức đấu thầu, công tác lập và hoàn chỉnh hồ sơ trình thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư;

- Chi thường xuyên, ngoài lĩnh vực đạt cao so dự toán thì các lĩnh vực còn lại chưa đạt tiến độ dự toán, trong đó: sự nghiệp nông nghiệp đạt 20,1%; sự nghiệp môi trường đạt 21,6%; sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề đạt 46,7%; sự nghiệp y tế đạt 35,5%; sự nghiệp văn hóa đạt 38,5%; sự nghiệp phát thanh truyền hình đạt 18,1%; sự nghiệp thể dục thể thao đạt 28,9%; sự nghiệp KH-CN đạt 23,9%; chi QLHC đạt 41,9%. Nguyên nhân chủ yếu là do: một số nhiệm vụ chi phải triển khai thực hiện theo trình tự thời gian quy định, nhất là kinh phí mua sắm, triển khai các chính sách, đề án thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục, nông nghiệp, phát thanh- truyền hình,... nên kinh phí thực hiện đạt thấp so dự toán. Ngoài ra, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên một số nội dung chi triển khai thực hiện còn chậm so dự toán được giao như chi tổ chức hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, hội nghị,...;

- Chi các CTMTQG, CTMT, nhiệm vụ đạt 29,8% dự toán, giảm 51,8% cùng kỳ, trong đó: Chi các Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ đạt 29,6% dự toán, giảm 42,3% cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu là do tiến độ triển khai thực hiện một số nhiệm vụ chi còn chậm, nhất là đối với nhiệm vụ chi từ nguồn vốn ngoài nước.

(Kèm biểu mẫu số 59, 60, 61/CK-NSNN)

Trên đây là báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng năm 2021./.

Nơi nhận:

- TT: TU, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm CBTH (Đảng Công thông tin điện tử tỉnh TN);
- Sở Tài chính (Đảng Công thông tin điện tử STC);
- LĐVP; KT;
- Lưu: VT. VP.

Trúc 12

đ

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đương Văn Thắng

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số: 227/BC-UBND ngày 03/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	10.500.000	7.919.268	75,4%	107,8%
I	Thu cân đối NSNN	10.500.000	5.793.221	55,2%	121,0%
1	Thu nội địa	9.500.000	5.088.221	53,6%	117,3%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	1.000.000	705.000	70,5%	156,4%
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		2.126.047		83,1%
B	TỔNG CHI NSDP	11.542.193	5.192.266	45,0%	100,0%
I	Chi cân đối NSDP	10.317.588	4.827.060	46,8%	108,9%
1	Chi đầu tư phát triển	3.439.850	2.253.221	65,5%	108,0%
2	Chi thường xuyên	6.008.148	2.563.580	42,7%	110,1%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.450	261	18,0%	63,6%
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	0	0,0%	
5	Dự phòng ngân sách	205.900	0	0,0%	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1.224.605	365.206	29,8%	48,2%
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	24.400	9.875	40,5%	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	13.160	9.998	76,0%	132,5%



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
IV	Thu viện trợ				
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	8.909.457	4.597.567	51,6%	104,8%
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%				

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số: 227/BC-UBND ngày 07/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSDP	11.542.193	5.192.266	45,0%	100,0%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	10.317.588	4.827.060	46,8%	108,9%
I	Chi đầu tư phát triển	3.439.850	2.253.221	65,5%	108,0%
1	Chi đầu tư cho các dự án	3.257.930	2.208.660	67,8%	106,0%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	181.920	44.561	24,5%	2310,1%
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	6.008.148	2.563.580	42,7%	110,1%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.315.300	1.080.321	46,7%	118,6%
2	Chi khoa học và công nghệ	42.140	10.058	23,9%	174,0%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	464.190	164.669	35,5%	98,1%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	110.880	42.685	38,5%	122,7%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	60.000	10.857	18,1%	103,9%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	33.900	9.797	28,9%	154,7%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	131.770	28.399	21,6%	89,7%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	878.795	223.098	25,4%	88,7%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.112.490	466.467	41,9%	100,2%
10	Chi bảo đảm xã hội	346.350	204.217	59,0%	84,0%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.450	261	18,0%	63,6%
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	0	0,0%	
V	Dự phòng ngân sách	205.900	0	0,0%	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	1.224.605	365.206	29,8%	48,2%
I	Chương trình mục tiêu quốc gia	0	2.558		2,0%
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.224.605	362.648	29,6%	57,7%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.114.420	290.846	26,1%	48,5%
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	110.185	71.802	65,2%	255,8%

